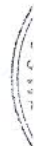


**BẢN SAO**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 36



TRÁC  
K  
AFC  
C  
ANH

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV (được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần vật tư - TKV đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700100707 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2014.

**2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính bao gồm các vị như sau:

***Thành viên Hội đồng Quản trị:***

Họ và tên:

- Ông Vũ Đức Tuấn
- Ông Nguyễn Mạnh Cường
- Ông Nguyễn Thế Hùng
- Ông Trần Quốc Thành
- Ông Tạ Quang Tuấn

Chức vụ:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

***Thành viên Ban giám đốc:***

Họ và tên:

- Ông Vũ Đức Tuấn
- Ông Nguyễn Mạnh Cường
- Ông Trương Quang Vệ
- Ông Nguyễn Thế Hùng

Chức vụ:

- Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Phó Giám đốc

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở chính tại Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và trụ sở của các chi nhánh, xí nghiệp như sau:

- Chi nhánh Hà Nội có địa chỉ tại số 51 ngách 426/20 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội;
- XN Vận tải, Xếp dỡ có địa chỉ tại Tổ 19 khu Tây Sơn, Phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- XN Vật tư Cẩm Phả có địa chỉ tại đường Nguyễn Du, Phường Cẩm Tây, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- XN Vật tư Hòn Gai có địa chỉ tại số 170 đường Lê Thánh Tông, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

999/0  
NG  
HIỆM  
M T  
VIỆT  
INH  
HÀ N  
TUÂN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4. Hoạt động chính**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh vật tư, thiết bị; chế biến, tái sinh dầu nhờn; vận tải than, đất đá và các hàng hóa khác; cung ứng tàu biển, bốc xếp hàng hóa. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty.

**7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**



**VŨ ĐỨC TUẤN**  
**GIÁM ĐỐC**



**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG CẨM TÂY**



*Nguyễn Xuân Khoa*

Số: 578/2015/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV.

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vật tư - TKV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV được lập ngày 10/03/2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam**



**Nguyễn Như Tiến**

Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0449-2013-009-1

**Nguyễn Trung Thành**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1673-2013-009-1

1899  
ÔNG  
NHỆ  
EM  
VIỆ  
H NH  
HÀ P  
XUAI



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014</b>	
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>751.419.005.704</b>	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.796.942.387	-
Tiền	111	5.1	8.796.942.387	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		567.768.529.924	-
Phải thu khách hàng	131		561.718.036.624	-
Trả trước cho người bán	132		1.448.998.080	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		4.266.366.498	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	335.128.722	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		170.909.415.239	-
Hàng tồn kho	141	5.3	170.909.415.239	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.944.118.154	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	768.661.700	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.028.817.619	-
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	154		1.146.638.835	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>193.016.758.060</b>	-
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		148.281.689.904	-
TSCĐ hữu hình	221	5.5	147.895.636.607	-
- Nguyên giá	222		474.174.075.929	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(326.278.439.322)	-
Chi phí XDCB dở dang	230	5.6	386.053.297	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		44.735.068.156	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	44.445.068.156	-
Tài sản dài hạn khác	268		290.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>944.435.763.764</b>	-



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>-</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>792.454.655.925</b>	<b>-</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>741.885.026.973</b>	<b>-</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	193.326.971.090	-
Phải trả người bán	312		483.839.985.518	-
Người mua trả tiền trước	313		870.308.470	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	241.192.552	-
Phải trả người lao động	315		29.977.085.402	-
Chi phí phải trả	316	5.10	171.416.053	-
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	12.790.740.053	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.667.327.835	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50.569.628.952</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.12	50.569.628.952	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>151.981.107.839</b>	<b>-</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>151.981.107.839</b>	<b>-</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.981.107.839	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>944.435.763.764</b>	<b>-</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 04 năm 2014

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014</b>
Tài sản thuê ngoài		-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		6.941.634.883
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		365.882.893
Nợ khó đòi đã xử lý		11.581.945.236
Ngoại tệ các loại		
<i>Ngoại tệ (USD)</i>		101,93
<i>Ngoại tệ (EUR)</i>		-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

**NGƯỜI LẬP**

**NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2014 đến ngày 31/12/2014	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	4.015.324.479.461	-
Các khoản giảm trừ	02	6.2	11.880.000	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>6.3</b>	<b>4.015.312.599.461</b>	<b>-</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	3.872.403.524.827	-
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>142.909.074.634</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	236.848.886	-
Chi phí tài chính	22	6.6	24.188.166.700	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.758.910.577	-
Chi phí bán hàng	24		67.507.725.856	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.044.204.782	-
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.405.826.182</b>	<b>-</b>
Thu nhập khác	31		6.197.803.720	-
Chi phí khác	32		731.233.279	-
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>5.466.570.441</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.872.396.623</b>	<b>-</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	4.839.847.102	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17.032.549.521</b>	<b>-</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>1.136</b>	<b>-</b>

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

HOÀNG XUÂN TÙNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	1	2	3	4=(1+2-3)
<b>Thuế</b>	<b>10</b>	-	<b>45.863.959.698</b>	<b>46.800.953.881</b>	<b>(936.994.183)</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	-	27.360.951.620	27.151.306.968	209.644.652
Thuế GTGT hàng NK	12	-	7.317.601.900	7.317.601.900	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	2.219.159.703	2.219.159.703	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	-	7.661.657.118	8.538.462.140	(876.805.022)
Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế nhà đất	17	-	109.662.078	109.662.078	-
Tiền thuê đất	18	-	1.053.561.868	1.309.773.357	(256.211.489)
Các khoản thuế khác	19	-	141.365.411	154.987.735	(13.622.324)
<i>Thuế môn bài</i>		-	-	-	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		-	141.365.411	154.987.735	(13.622.324)
<i>Các loại thuế khác</i>		-	-	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>30</b>	-	<b>1.065.147.300</b>	<b>1.033.599.400</b>	<b>31.547.900</b>
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	33	-	1.065.147.300	1.033.599.400	31.547.900
Các khoản khác	34	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG (40=10+30)</b>	<b>40</b>	-	<b>46.929.106.998</b>	<b>47.834.553.281</b>	<b>(905.446.283)</b>

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

*kt*

*mmw*



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/05/2014 đến ngày 31/12/2014</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>21.872.396.623</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>		
Khấu hao tài sản cố định	02	24.455.098.141
Các khoản dự phòng	03	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(75.815.684)
Chi phí lãi vay	06	23.758.910.577
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ</b>	<b>08</b>	<b>70.010.589.657</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(570.943.986.378)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(170.909.415.239)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	522.546.217.490
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(45.213.729.856)
Tiền lãi vay đã trả	13	(23.758.910.577)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.538.462.140)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(290.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(227.097.697.043)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(8.077.776.296)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.815.684
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.001.960.612)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.929.784.384.417
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.685.887.784.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>243.896.600.042</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>-</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.796.942.387</b>

NGƯỜI LẬP

*R*

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*ruus*

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700100707 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2014. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp liên quan đến vận tải đường thủy;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty có các chi nhánh và xí nghiệp như sau:

- Chi nhánh Hà Nội có địa chỉ tại số 51 ngách 426/20 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp Hà Nội;
- XN Vận tải, Xếp dỡ có địa chỉ tại Tổ 19 khu Tây Sơn, Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- XN Vật tư Cẩm Phả có địa chỉ tại đường Nguyễn Du, Phường Cẩm Tây, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- XN Vật tư Hòn Gai có địa chỉ tại số 170 đường Lê Thánh Tông, Tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.060 người, trong đó số cán bộ quản lý là 126 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp trong công tác lập Báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần bắt đầu từ ngày 01/05/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3 Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Vinacomin số 06/TKV-KT ngày 05/01/2015 là 21.380 VND/USD.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

**4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Giá đích danh (riêng Xí nghiệp Vận tư vận tải Hòn Gai và Xí nghiệp Vật tư vận tải Cẩm Phả sử dụng phương pháp nhập trước, xuất trước để tính giá trị xuất của mặt hàng xăng, dầu) |
| - Thành phẩm   | Bình quân gia quyền   |
| - Chi phí SXKD dở dang                               | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.   |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

*Tài sản cố định hữu hình*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**4.6 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

**4.8 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí phát sinh phục vụ cho nhiều năm tài chính, bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, giá trị còn lại chưa phân bổ của các tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

**4.9 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700100707 đăng ký thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27 tháng 5 năm 2014, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	105.877.300.000	105.877.300.000	100%
Các cổ đông khác	44.122.700.000	44.122.700.000	100%

JAAB9  
CỘNG HÒA  
KIỂM  
C VI  
CHI N  
HÀ  
H XUA

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**4.11 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4.12 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

**4.13 Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất 10%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Các loại thuế khác:** Theo quy định hiện hành của Việt Nam.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4.14 Khoản phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

**4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
Tiền mặt tại quỹ	(i) 3.141.302.622	
Tiền gửi ngân hàng	(ii) 5.655.639.765	
<b>Cộng</b>	<b>8.796.942.387</b>	
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2014 bao gồm:		
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Đồng Việt Nam		3.141.302.622
Đồng ngoại tệ		-
<b>Cộng</b>		<b>3.141.302.622</b>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 bao gồm:		
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>VND</b>
Ngoại tệ (USD)	101,93	2.179.263
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh</i>	101,93 #	2.179.263
Đồng Việt Nam		5.653.460.502
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Quảng Ninh</i>		2.109.588
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - CN Quảng Ninh</i>		7.576.027
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Quảng Ninh</i>		906.660.696
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh</i>		45.552.125
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Quảng Ninh</i>		151.301.642
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Quảng Ninh</i>		2.054.223.837
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Quảng Ninh</i>		2.439.613
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đống Đa</i>		915.589.446
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Hà Nội</i>		23.714.677
<i>Ngân hàng NN và PTNT - CN Bắc Hà Nội</i>		246.851.513
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội</i>		10.693.202
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Cẩm Phả</i>		1.129.839.528
<i>Ngân hàng TMCP ĐT&amp;PT - CN Quảng Ninh</i>		156.908.608
<b>Cộng</b>		<b>5.655.639.765</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
Phải thu người lao động	5.022.650	
Phải thu hao hụt nhập dầu gốc, CL dầu sau kiểm kê chưa xử lý (vượt HH định mức)	202.993.982	
Tạm ứng tiền cho bộ phận thi hành án (CNHN)	46.482.000	
Phải thu BHXH tiền lương ốm, trợ cấp thai sản ... của CNV	80.630.090	
<b>Cộng</b>	<b>335.128.722</b>	

**5.3. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
Hàng mua đang đi đường	-	
Nguyên liệu, vật liệu	84.046.439.186	
Công cụ, dụng cụ	326.449.000	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	
Thành phẩm	14.492.096.562	
Hàng hóa	72.044.430.491	
Hàng gửi bán	-	
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>170.909.415.239</b>	

**5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
Chi phí bảo hiểm phương tiện, cháy nổ ...	341.932.285	
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	336.681.100	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác (i)	90.048.315	
<b>Cộng</b>	<b>768.661.700</b>	

(i) Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm:	<b>31/12/2014</b>
	<b>(VND)</b>
<i>Phí sử dụng đường bộ</i>	3.469.182
<i>Máy tính cầm tay</i>	3.208.333
<i>Đèn điện các loại</i>	43.862.500
<i>Công trình phòng chống mưa bão kho bãi kè cảng Vũng Đục</i>	39.508.300
<b>Cộng</b>	<b>90.048.315</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Chuyển từ CTNN	117.910.142.160	78.908.237.257	270.020.007.977	751.743.190	-	467.590.130.584
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4.667.359.525	3.007.950.169	16.413.305	-	-	7.691.722.999
- Do sửa chữa, nâng cấp	-	-	-	-	-	-
- Nhận vốn góp	-	-	798.487.272	-	-	798.487.272
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(619.463.452)	(1.286.801.474)	-	-	(1.906.264.926)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>122.577.501.685</b>	<b>81.296.723.974</b>	<b>269.548.107.080</b>	<b>751.743.190</b>	<b>-</b>	<b>474.174.075.929</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	5.906.690.718	6.454.685.873	12.034.161.879	59.559.671	-	24.455.098.141
- Chuyển từ CTNN	67.066.046.131	35.876.791.253	200.222.012.084	564.756.639	-	303.729.606.107
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(619.463.452)	(1.286.801.474)	-	-	(1.906.264.926)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>72.972.736.849</b>	<b>41.712.013.674</b>	<b>210.969.372.489</b>	<b>624.316.310</b>	<b>-</b>	<b>326.278.439.322</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	49.604.764.836	39.584.710.300	58.578.734.591	127.426.880	-	147.895.636.607

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	
<b>Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>386.053.297</b>	
Thiết kế tàu chở công nhân	270.962.388	
Quy hoạch kho dầu nhờn VTHG	115.090.909	

**5.7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	
Tiền thuê nhà của CNHN	90.000.000	
Chi phí sửa chữa TSCĐ	9.006.962.511	
Phân bổ CCDC	5.383.532.101	
Bảo hiểm phương tiện, lệ phí trả trước nhiều năm	-	
Chi phí trả trước khác trên 1 năm	2.911.942.890	
Giá trị lợi thế KD khi CPH	27.052.630.654	
<b>Cộng</b>	<b>44.445.068.156</b>	

**5.8. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>193.326.971.090</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả	87.748.815.138	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Cẩm Phả	105.578.155.952	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	
<b>Cộng</b>	<b>193.326.971.090</b>	

**5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2014</u> (VND)	
Thuế giá trị gia tăng nội địa	209.644.652	
Thuế thu nhập cá nhân	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
Tiền thuê đất	-	
Thuế bảo vệ môi trường	31.547.900	
<b>Cộng</b>	<b>241.192.552</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5.10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
Chi phí điện thoại, tiền điện, nước phải trả	37.486.053	
Phí kiểm toán BCTC năm 2014 (40% còn lại)	52.000.000	
CP khánh tiết, tiếp khách ... T10,11,12/2014	81.930.000	
<b>Cộng</b>	<b>171.416.053</b>	

**5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
Kinh phí công đoàn	59.175.643	
Bảo hiểm xã hội	4.383.210	
Bảo hiểm y tế	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	-	
CL thừa sau kiểm kê VTHH (dưới hao hụt định mức)	151.710.160	
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	12.575.471.040	
<b>Cộng</b>	<b>12.790.740.053</b>	

(i) Các khoản phải trả phải nộp khác bao gồm:

	<b>31/12/2014</b>
	<b>(VND)</b>
<i>Thu hộ tiền đoàn phí công đoàn</i>	50.265.025
<i>5% hao mòn dụng cụ bếp ăn tập thể</i>	157.149.659
<i>Quỹ văn hóa xã hội thể thao</i>	524.221.325
<i>Kinh phí hoạt động Đảng</i>	67.913.056
<i>Ứng trước kinh phí KCB 2014</i>	54.528.746
<i>Tiền học phí lớp lái cầu</i>	27.806.000
<i>Trả lại tiền thuế TNCN sau quyết toán</i>	50.523.235
<i>Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	30.000.000
<i>Phân chia lợi nhuận HĐHTKD 2014</i>	522.513.280
<i>Cổ tức 2014 phải trả</i>	10.000.000.000
<i>Lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa tiền bán CP</i>	42.353.335
<i>Thu tiền nhân viên</i>	2.000.000
<i>Vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	799.548.694
<i>Vốn liên doanh phải trả</i>	175.175.497
<i>Khác</i>	71.473.188
<b>Cộng</b>	<b>12.575.471.040</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5.12. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2014</b>	
	<b>(VND)</b>	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>50.569.628.952</b>	
Vay ngân hàng	(i) 50.569.628.952	
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	
<b>Cộng</b>	<b>50.569.628.952</b>	

(i) Số dư tiền vay ngân hàng tại 31/12/2014 bao gồm:

		<b>VND</b>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Cẩm Phả</i>	(a)	29.175.890.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh</i>	(b)	1.314.380.570
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Quảng Ninh</i>	(c)	7.306.648.746
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Quảng Ninh</i>	(d)	5.596.300.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh</i>	(e)	2.805.228.000
<i>Ngân hàng TMCP ĐT&amp;PT - CN Quảng Ninh</i>	(f)	4.371.181.636
<b>Cộng</b>		<b>50.569.628.952</b>

Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

		<b>VND</b>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Cẩm Phả</i>		10.708.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh</i>		1.314.380.570
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Quảng Ninh</i>		1.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN Quảng Ninh</i>		2.491.200.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh</i>		1.412.907.600
<i>Ngân hàng TMCP ĐT&amp;PT - CN Quảng Ninh</i>		1.650.000.000
<b>Cộng</b>		<b>18.576.488.170</b>

- a. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 31/12/2014 là 29.175.890.000 đồng bao gồm 16 hợp đồng vay với thời hạn vay 5 năm và với mức lãi suất 10%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
- b. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2014 là 1.314.380.570 đồng bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất 9,8%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- c. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2014 là 7.306.648.746 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất là 10,2 %/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- d. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2014 là 5.596.300.000 đồng bao gồm 03 hợp đồng



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

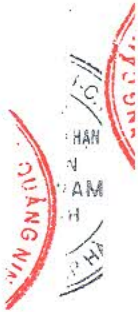
Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

vay với thời hạn vay 5 năm với mức lãi suất từ 9,8%/năm đến 10,2%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.

- e. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2014 là 2.805.228.000 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất 9,7%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
- f. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 31/12/2014 là 4.371.181.636 đồng bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất là 9%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**5.13. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		CL tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhận bán giao từ Cty NN	150.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.032.549.521	-	-	17.032.549.521
Tăng khác	-	-	-	1.981.107.839	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.981.107.839
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.032.549.521)	-	-	(17.032.549.521)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.981.107.839</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(17.032.549.521)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>151.981.107.839</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<b>31/12/2014</b> <b>(VND)</b>	
Vốn điều lệ	150.000.000.000	
Vốn khác của vốn chủ sở hữu	-	
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	

TKV

T.N

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ 01/05/2014  
đến 31/12/2014  
(VND)

<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>4.015.324.479.461</u></b>
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>3.903.320.131.443</i>
Doanh thu bán hàng hoá	3.720.887.111.093
Doanh thu bán thành phẩm	182.433.020.350
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>112.004.348.018</i>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Từ 01/05/2014  
đến 31/12/2014  
(VND)

<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b><u>11.880.000</u></b>
Giảm giá hàng bán	(i) 11.880.000
Hàng bán bị trả lại	-
(i) <i>Giảm giá mũi khoan xoay cầu của hợp đồng số 308/HĐ-KH ngày 06/03/2013 với Công ty Cổ phần Than Đèo Nai do năng suất khoan không đạt sản lượng quy định theo hợp đồng</i>	

**6.3 Doanh thu thuần**

Từ 01/05/2014  
đến 31/12/2014  
(VND)

<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b><u>4.015.312.599.461</u></b>
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	3.720.875.231.093
Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	182.433.020.350
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	112.004.348.018

**6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Từ 01/05/2014  
đến 31/12/2014  
(VND)

Giá vốn hàng hoá đã bán	3.645.559.585.123
Giá vốn thành phẩm đã bán	125.163.638.559
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	<u>101.680.301.145</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.872.403.524.827</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM****CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.815.684
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.018
Doanh thu hoạt động tài chính khác	161.005.184
<b>Cộng</b>	<b>236.848.886</b>

**6.6 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Lãi tiền vay	23.758.910.577
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	429.256.123
<b>Cộng</b>	<b>24.188.166.700</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014 (VND)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.872.396.623
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	126.908.386
- Tổng thu nhập chịu thuế	21.999.305.009
- Chuyển lỗ năm trước	-
- Thu nhập tính thuế	21.999.305.009
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.839.847.102
<b>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập của năm nay</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>4.839.847.102</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/05/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	17.032.549.521
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	17.032.549.521
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.136</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/5/2014 đến 31/12/2014 (VND)
Chi phí nguyên vật liệu	151.634.153.363
Chi phí nhân công	76.403.684.014
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.455.098.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.100.313.203
Chi phí khác bằng tiền	39.706.135.340
<b>Cộng</b>	<b>327.299.384.061</b>

**6.10 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

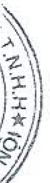
Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

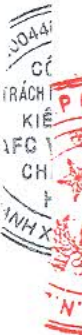
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2014</b>			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.796.942.387	-	8.796.942.387
Phải thu khách hàng	561.718.036.624	-	561.718.036.624
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	4.601.495.220	-	4.601.495.220
Tài sản tài chính khác	-	290.000.000	290.000.000
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>575.116.474.231</b>	<b>290.000.000</b>	<b>575.406.474.231</b>
<b>Ngày 31/12/2014</b>			
Các khoản vay và nợ	193.326.971.090	50.569.628.952	243.896.600.042
Phải trả người bán	483.839.985.518	-	483.839.985.518
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	44.050.742.530	-	44.050.742.530
<b>Tổng cộng</b>	<b>721.217.699.138</b>	<b>50.569.628.952</b>	<b>771.787.328.090</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(146.101.224.907)</b>	<b>(50.569.628.952)</b>	<b>(196.380.853.859)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2014	Giá trị hợp lý 31/12/2014	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu			
<i>Phải thu khách hàng</i>	561.718.036.624	-	561.718.036.624
<i>Các khoản phải thu khác</i>	4.601.495.220	-	4.601.495.220
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán			
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-
<i>Tiền và các khoản TĐT</i>	8.796.942.387	-	8.796.942.387
<b>Tổng cộng</b>	<b>575.116.474.231</b>	<b>-</b>	<b>575.116.474.231</b>



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<i>Giá trị ghi sổ</i> 31/12/2014	<i>Giá trị hợp lý</i> 31/12/2014	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Nợ phải trả tài chính			
<i>Vay và nợ</i>	243.896.600.042	-	243.896.600.042
<i>Phải trả người bán</i>	483.839.985.518	-	483.839.985.518
<i>Phải trả khác</i>	44.050.742.530	-	44.050.742.530
<b>Tổng cộng</b>	<u>771.787.328.090</u>	-	<u>771.787.328.090</u>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6.11 Báo cáo bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực kinh doanh thương mại (xăng dầu, vật tư, thiết bị), sản xuất (dầu nhờn, đồ bảo hộ lao động), dịch vụ (vận tải, bốc xếp, sửa chữa cơ khí). Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Kinh doanh thương mại		Sản xuất		Dịch vụ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b><u>Năm 2014</u></b>								
Doanh thu	3.720.887.111.093		182.433.020.350		112.004.348.018		4.015.324.479.461	
Các khoản giảm trừ	11.880.000		-		-		11.880.000	
Giá vốn hàng bán	3.645.559.585.123		125.163.638.559		101.680.301.145		3.872.403.524.827	
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>75.315.645.970</b>		<b>57.269.381.791</b>		<b>10.324.046.873</b>		<b>142.909.074.634</b>	

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực các tỉnh phía Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2014 (VND)
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	954.341.200
Thù lao của Hội đồng quản trị	96.875.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.051.216.200</b>

Số dư tại ngày 31/12/2014 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 03A: Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp từ các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị trong năm.

**7.2 Thông tin so sánh**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 là năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Vật tư - TKV. Do đó Báo cáo tài chính cho năm tài chính này không có số liệu so sánh.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

**BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Tên đơn vị	Đơn vị	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VNĐ)
A	B	C	1	2	3
1	Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin				26.719.765.110
2	Công ty CP Cơ điện Uông Bí - Vinacomin				925.396.403
3	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin				3.040.260.531
4	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - TKV				5.760.913.422
5	Công ty CP Kinh doanh Than Cẩm Phả - TKV				36.045.334.232
6	Công ty CP Kinh doanh Than Miền Bắc - TKV				680.113.000
7	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV				32.125.124.827
8	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin				56.559.665.863
9	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin				789.261.105.577
10	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin				493.455.908.458
11	Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin				520.638.917.881
12	Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin				232.844.800.706
13	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin				207.369.007.424
14	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin				317.917.210.759
15	Công ty CP Thiết bị điện - Vinacomin				354.737.508
16	Công ty CP Vận tải Thủy - Vinacomin				64.457.628
17	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - TKV				32.741.434.245
18	Công ty CP Giám định - Vinacomin				125.204.781
19	Công ty TNHH MTV Than Uông Bí - Vinacomin				17.448.402.775
20	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin				12.409.845.357
21	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin				58.791.958.432
22	Công ty Than Thống Nhất - TKV				28.467.996.267
23	Công ty Than Khe Chàm - TKV				25.292.442.186
24	Công ty Than Mạo Khê - TKV				11.243.623.073
25	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - Vinacomin				3.164.260.000
26	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV				22.331.775.938
27	Công ty Than Hạ Long - TKV				59.876.709.830
28	Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - Vinacomin				200.362.296.573
29	Công ty Than Quang Hanh - TKV				30.231.157.376
30	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin				46.178.039.778
31	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin				30.958.960.326
32	Công ty Than Nam Mẫu - TKV				30.763.859.700
33	Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin				20.833.898.386

**BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Tên đơn vị	Đơn vị	Doanh thu		
			Số lượng	Đơn giá	Giá trị (VND)
A	B	C	1	2	3
34	Công ty Tuyển Than Cửa Ông - Vinacomin				47.377.309.431
35	Công ty TNHH MTV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin				1.264.334.720
36	Công ty Địa chất Mỏ - Vinacomin				1.283.586.500
37	Công ty Nhiệt điện Na Dương - Vinacomin				755.832.323
38	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin				6.528.682.004
39	Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin				55.843.116.709
40	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin				30.506.051.706
41	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin				60.352.503.019
42	Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò 1 - Vinacomin				14.869.579.899
43	Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò 2 - Vinacomin				1.160.072.380
44	Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản - TKV				82.487.056.102
45	Công ty Than Dương Huy - TKV				96.517.795.980
46	Trung tâm Điều hành sản xuất tại Quảng Ninh				532.792.048
47	Trung tâm Cấp cứu Mỏ - Vinacomin				48.587.180
48	Trường CĐ Nghề Mỏ Hồng Cẩm - Vinacomin				672.708.920
49	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê				443.271.460
50	Công ty CP Vật tư - TKV				7.227.969.102
51	Công ty TNHH MTV VTVT - ISTACO				2.829.397.800
52	Xí nghiệp Chế tạo thiết bị lắp máy và điện				2.030.886.438
53	Công ty Nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin				9.185.576.359
54	Công ty TNHH MTV KTKS - ISTACO				2.872.646.400
55	Công ty Nhiệt điện Đông Triều - Vinacomin				8.367.951.870
56	Công ty CP VLXD & KDTH - VVMI				59.673.950
57	Công ty Mỏ Tuyển Đồng Sin Quyền - Lào Cai				197.444.830
	<b>Tổng cộng</b>				<b>3.788.399.411.482</b>

UD42  
 C  
 TRÁCH  
 KIẾ  
 AFC  
 CH  
 NH X

07/11/15  
 07/11/15  
 07/11/15

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

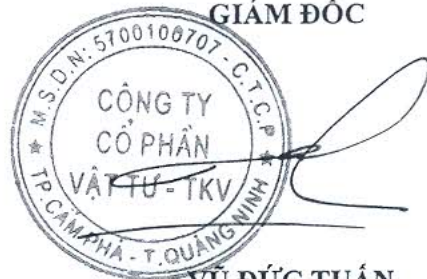
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

*KT*

*THH*



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phá, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 18

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị		Các khoản công nợ			335
	B	I	131 Có	331	336	
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>537.699.697.841</b>	<b>71.576.337</b>	<b>4.339.842.209</b>	<b>(4.266.366.498)</b>	<b>6</b>
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phá - Vinacomin	10.796.706.885	-	-	-	-
2	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	3.764.668.818	-	-	-	-
3	Công ty Tuyển than Cửa Ông - Vinacomin	9.408.165.059	-	-	-	-
4	Công ty Nhiệt điện Na Dương - Vinacomin	119.288.576	-	-	-	-
5	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin	369.732.253	-	-	-	-
6	Công ty Nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin	2.454.121.414	-	-	-	-
7	Trung tâm Cấp cứu mỏ - Vinacomin	-	-	2.323.069	-	-
8	Ban KT-TK-TC	-	-	-	(4.266.366.498)	-
9	Công ty TNHH MTV than Ưông Bí - Vinacomin	4.405.024.880	-	-	-	-
10	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	3.999.215.983	-	-	-	-
11	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	22.696.002.102	-	-	-	-
12	Công ty Than Mạo Khê - TKV	489.538.922	-	-	-	-
13	Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomin	3.833.146.955	-	-	-	-
14	Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin	7.117.530.982	-	4.098.319.140	-	-
15	Công ty Than Thống Nhất - TKV	3.581.262.727	-	-	-	-
16	Công ty Than Dương Huy - TKV	3.153.593.296	-	-	-	-
17	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	7.372.561.897	-	-	-	-
18	Công ty Than Khe Chàm - TKV	4.717.938.977	-	-	-	-
19	Công ty Than Quang Hanh TKV	3.695.682.359	-	-	-	-
20	Công ty Than Hạ Long TKV	12.842.055.347	-	-	-	-
21	Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin	3.337.300.719	-	-	-	-

10/10/14

11/11/14



Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ			
		131 Nợ	131 Có	331	336
A	B	I	2	335	6
22	Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - Vinacomin	20.735.837.220	-	-	-
23	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	816.652.808	-	-	-
24	Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đống Tàu - Vinacomin	3.406.198.368	-	-	-
25	Công ty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	3.646.294.374	1.372.250	-	-
26	Trường CĐ Nghề mỏ Hồng Cẩm - Vinacomin	-	239.200.000	-	-
27	Công ty CP Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	15.135.583.158	-	-	-
28	Công ty CP KD Than Cẩm Phả - Vinacomin	12.498.396.316	-	-	-
29	Công ty CP Đầu tư TM&DV - Vinacomin	897.459.750	-	-	-
30	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - TKV	6.710.635.282	-	-	-
31	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm Phả - Vinacomin	6.752.531.593	-	-	-
32	Công ty CP Than Núi Béo - Vinacomin	5.312.729.990	-	-	-
33	Công ty CP Than Cọc Sáu - Vinacomin	120.481.457.389	-	-	-
34	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	68.059.466.063	-	-	-
35	Công ty CP Than Cao Sơn - Vinacomin	111.717.497.048	-	-	-
36	Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	18.279.494.823	-	-	-
37	Công ty CP Thiết bị điện - Vinacomin	19.100.224	-	-	-
38	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	5.088.312.204	-	-	-
39	Công ty XD Mỏ Hàm lò 1 - Vinacomin	9.903.930.796	-	-	-
40	Công ty XD Mỏ Hàm lò 2 - Vinacomin	678.895.606	-	-	-
41	Công ty CP Cơ khí Mạc Khê - Vinacomin	38.679.300	-	-	-
42	Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin	5.120.348.308	-	-	-
43	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	3.984.488.811	-	-	-
44	Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	1.984.010.435	-	-	-

**BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị		Các khoản công nợ		
	131 Nợ	131 Có	331	336	335
A	B	I	2		6
45	Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc - Vinacomin	-	-	70.204.087	-
46	Công ty Than Hồng Thái - TKV	5.475.483.853	-	-	-
47	Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV	2.802.675.971	-	-	-
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN</b>				
I	Tập đoàn công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-
	<b>CỘNG</b>	<b>537.699.697.841</b>	<b>4.339.842.209</b>	<b>71.576.337</b>	<b>(4.266.366.498)</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Bùi Hồng Liên*

BÙI HỒNG LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Nguyễn Thị Thanh Huyền*

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

T. P. QUẢNG NINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**  
 địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

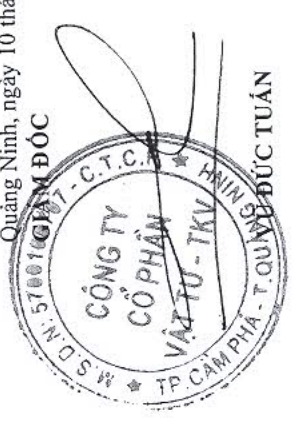
**BÁO CÁO CHI TIẾT TÀI SẢN MUA TRỰC TIẾP TỪ CÁC ĐƠN VỊ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN ĐỀ HÌNH THÀNH TSCĐ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số lượng	Giá mua theo hóa đơn	Nguyên giá TSCĐ trên sổ sách	Khấu hao lũy kế đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Giá trị còn lại đến cuối kỳ báo cáo trên sổ sách	Thời điểm tăng TSCĐ để trích KH (ngày/tháng/năm)	Thời gian trích khấu hao TS (Đơn vị: Năm)	Thời gian KH còn lại tính đến cuối kỳ BC (Đơn vị: Năm)	Sử dụng TS cho mục đích (SXKD, quản lý, bán)	Số hiệu	Ngày tháng	Hóa đơn
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TSCĐ, hàng tồn kho, công trình XD/CB mua của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn đã tăng tài sản để trích khấu hao tính đến cuối kỳ báo cáo												
I	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV		4.063.212.652	4.642.441.047	847.934	4.641.593.113							
I.1	Nhà cửa vật kiến trúc		4.063.212.652	4.642.441.047	847.934	4.641.593.113							
	Cửa hàng xăng dầu Hà Khánh		4.063.212.652	4.642.441.047	847.934	4.641.593.113	31/12/2014	15	15	SXKD	0155392	31/12/2014	

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2015



KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

NGƯỜI LẬP BIỂU

*(Handwritten signature)*

PHẠM VĂN DŨNG

